

LĂNG MỘ HOÀNG GIA THỜI NGUYỄN TẠI HUẾ (Tiếp theo)

Phan Thanh Hải*

LTS: Nói đến Huế, người ta không chỉ nghĩ đến thành trì, cung điện, đàn miếu, chùa quán mà còn nghĩ ngay đến các khu lăng tẩm rộng lớn của các vị vua Nguyễn - những công trình đạt đến đỉnh cao của kiến trúc truyền thống Việt Nam. Là một đối tượng quan trọng như vậy nên lăng tẩm triều Nguyễn đã được không ít các nhà nghiên cứu từ xưa đến nay quan tâm, tìm hiểu. Tuy nhiên, chúng ta vẫn thiếu một công trình nghiên cứu tổng thể, nhìn nhận đánh giá một cách toàn diện về hệ thống kiến trúc độc đáo này. Khảo cứu dưới đây sẽ cố gắng giải quyết phần nào khiếm khuyết trên, tuy vậy, trong khuôn khổ một bài viết, tác giả chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản và chung nhất mà thôi. Ở số báo trước (Số 5 (82). 2010), tác giả đã trình bày về lịch sử xây dựng, quy thức lăng tẩm và vật liệu xây dựng...

II.2.2. Lăng các vua Nguyễn và hoàng hậu

Trong 143 năm tồn tại (1802-1945), vương triều Nguyễn có 13 vị hoàng đế nhưng chỉ để lại 7 khu lăng tẩm quy mô của 10 vị hoàng đế và một số lăng của hoàng hậu.⁽¹²⁾ Do điều kiện lịch sử khác nhau nên các khu lăng có quy mô, phong cách cũng khác nhau.

II.2.2.1. Lăng Gia Long

Tên chữ là Thiên Thọ Lăng, thực ra đây là cả một quần thể gồm 7 khu lăng tẩm của vua Gia Long, 2 vị hoàng hậu và 4 thành viên khác thuộc hoàng gia Nguyễn nằm trong một khu vực rộng đến 2.875ha. Tuy nhiên, chỉ có lăng vua Gia Long, 2 vị hoàng hậu và thân mẫu của vua là được xây dựng theo quy chế lăng hoàng đế, có tẩm thờ riêng.

- Lăng vua Gia Long và Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu, tức lăng Thiên Thọ, nằm ở vị trí trung tâm, bố cục chia thành 3 phần: tẩm điện - lăng mộ - nhà bia, dàn hàng ngang, xây trên 3 ngọn núi thấp (giữa là núi Chánh Trung, bên tả là Thanh Sơn, bên hữu là Bạch Sơn), trước mặt có hồ nước hình mặt trăng, tiếp đến là núi hình bán nguyệt, tiếp là ngọn núi chủ Đại Thiên Thọ Sơn, chung quanh có 36 ngọn núi châu vào, đều được đặt tên. Phần trung tâm của khu đất này 3 mặt tả, hữu, hậu rộng 100 trượng (424m), mặt tiền rộng 150 trượng (636m). Lăng vua và hoàng hậu đặt trong 3 lớp Bảo thành xây gạch, vòng trong dài 30m, rộng 24m, cao 4,16m; vòng ngoài dài 70m, rộng 31m, cao 3,56m, dày 1m. Bảo phong xây kiểu 2 ngôi nhà đá có mái kê nhau kiểu “càn khôn hiệp đức”, trước Bảo phong có 2 hương án xây đá. Mặt trước và sau lưng đều có bình phong, cửa ngoài làm bằng đồng. Trước mặt là 7 tầng sân châu lát gạch, lối Thần đạo lát đá Thanh. Ở tầng sân cuối hai bên dựng tượng thị vệ, voi, ngựa (10 người, 2 voi, 2 ngựa), đều bằng đá Thanh.

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.



Bản đồ Thiên Thọ Lăng do Bộ Công vẽ.



Khu vực lăng-tẩm của Thiên Thọ Lăng.

Nhà bia nằm bên tả, trên núi Thanh Sơn, đó là một “phương đình” dạng cổ lầu với hai tầng mái, nằm trên một nền cao. Mặt bằng của ngôi nhà là 8,75x8,80m. Bốn mặt xây tường gạch chịu lực. Mỗi mặt trở một cửa ở giữa, để trống. Khu vực tầng sân xây nhà bia rộng 30m, dài 42m, chung quanh có xây tường thấp bao bọc. Bi đình được xây để bảo vệ cho tấm bia đá khắc bài văn bia “Thánh đức thần công” do vua Minh Mạng soạn để nói về tiểu sử và công đức của vua cha. Bia cao 2,96m, rộng 1m, dày 0,32m, dựng trên một cái bệ cũng bằng đá dài 1,95m, rộng 1,55m. Bia và đế làm bằng đá Thanh đều được chạm trổ rất tinh xảo. Trán bia trang trí mặt rộng ngang miệng, ngậm chữ “Thọ”. Tai trên, tai dưới và hai diềm bên chạm hình rồng mây. Ở diềm trên, giữa trang trí hình mặt trời, hai bên là vân xoắn. Diềm dưới chạm hình thủy ba và vân xoắn. Ngày xưa, tất cả những chữ khắc trong lòng bia đều thếp vàng. Gần đó là nơi thờ “Hậu Thổ chi thần”, một tấm bia nhỏ đặt trên bệ đá 2 cấp, cao hơn 1,2m.

Khu tắm thờ nằm bên hữu khu lăng, trên núi Bạch Sơn, được bao bọc bởi tường thành hình chữ nhật (dài 102m, rộng 19m, cao 2,5m). Trước là Nghi Môn, hai bên là Tả Hữu Tòng Viện, chính giữa là điện Minh Thành, kiểu nhà kép 5 gian 2 chái, mặt nền 17,6x19,6m, bên trong thờ long vị của vua Gia Long và Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu. Phía sau điện Minh Thành xưa có Bảo Y Khố, nơi đặt xiêm y thờ bà Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu.

- Lăng Thiên Thọ Hữu, nằm bên hữu lăng Thiên Thọ, trên núi Thuận Sơn, chia thành 2 khu vực: lăng và tắm, cách nhau 50m. Khu lăng có 2 lớp tường thành bao bọc, tường ngoài chu vi 130m, cao 2,9m; tường trong chu vi 82m, cao 2,3m. Bảo phong xây bằng đá; bình phong trước và hương án cũng xây bằng đá Thanh. Khu điện thờ có công trình kiến trúc chính là điện Gia Thành, làm nơi thờ bà Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, kiến trúc nhà kép, nay đã bị đổ nát.

- Lăng Thoại Thánh có bố cục và cấu trúc gần giống lăng Thiên Thọ Hữu, gồm 2 phần: khu lăng và khu tắm thờ. Đây là lăng hoàng thái hậu đầu tiên của triều Nguyễn. Khu lăng phía trước có hồ gần vuông (88x77m), Bảo phong làm bằng đá Thanh, ngoài có 2 vòng tường thành bảo vệ, vòng trong chu vi 89m, cao 3,4m, vòng ngoài chu vi 138m, cao 3,6m; cửa ngoài kiểu

cổng vòm; trước sau đều có bình phong xây gạch che chắn. Phần tấm điện nằm trong một vòng thành dài 108m, rộng 63m, cao 3,7m. Điện chính vốn gần giống điện Minh Thành, kiểu nhà kép, mặt nền 25x19,5m, trước sau còn có Tả Hữu Tòng Viện, Tả Hữu Tòng Tự, nhưng tất cả đã đổ nát.

II.2.2.2. Lăng vua Minh Mạng

Tức Hiếu Lăng. Đây là lăng duy nhất của một vị hoàng đế, không có bồi táng hoàng hậu hay các thành viên hoàng gia khác. Lăng được lựa chọn, quy hoạch và xây dựng rất công phu.



Không ảnh Hiếu Lăng đầu thế kỷ 20.

Tổng thể khu vực lăng rộng gần 500ha, nhưng khu lăng chính rộng khoảng 15ha, có vòng tường thành xây đá núi, cao 3,6m, chu vi gần 2.000m bao bọc. Bố cục lăng xếp theo chiều dọc kiểu hình chữ nhất, dựa lưng vào Hiếu Sơn, phía sau nữa là núi Kim Phụng (núi chủ của vùng Huế, cao 475m), mặt hướng ra ngã ba sông Hương, theo trục căn-tồn (tây bắc-đông nam). Có thể chia kiến trúc lăng thành 3

phần: trục trung tâm và 2 trục tả hữu.

Mở đầu trục trung tâm (Thần đạo) là bình phong ngoài, rồi đến Đại Hồng Môn kiểu tam quan xây gạch. Tiếp theo là sân châu lát gạch Bát Tràng, rộng 42x44,8m với hai hàng thạch tượng sinh (voi, ngựa, quan văn, quan võ), cuối sân có lân đồng đứng trong Thiết đình. Tòa nhà bia đặt trên nền dài 2 tầng, cao hơn 9m, kích thước cạnh nền dài 20x20m; riêng nhà bia kiểu phương đình, cạnh 10x10m, bên trong dựng tấm bia “Thánh đức thần công” cao hơn 3m, đặt trên bệ đá Thanh (cao 1,09m, rộng 2,33m, dài 1,65m). Tiếp theo là 3 tầng sân tế (rộng 44,8x45m). Khu tấm thờ nằm trong vòng tường thành kép kín, trở cửa 4 mặt. Mở đầu bằng Hiển Đức Môn, một chiếc cửa tam quan bằng gỗ, có cổ lâu. Tiếp đến là điện Sùng Ân, làm kiểu nhà kép (mặt nền 23,45x22,5m), trong thờ vua Minh Mạng và hoàng hậu. Phía trước hai bên là Đông Tây Phối Điện, phía sau hai bên có Tả Hữu Tòng Viện. Sau cùng kết thúc bằng Hoàng Trạch Môn, kiểu cửa vòm xây gạch. Tiếp theo là 3 chiếc cầu (giữa là cầu Trung Đạo, trái là Tả Phù, phải là Hữu Bật) nối qua Minh Lâu, một tòa nhà hai tầng đặt trên ngọn đồi đắp 3 tầng, gọi là Tam Tài Sơn. Tiếp nữa là cầu Thông Minh Chính Trục nối ngang qua hồ Tân Nguyệt đến Bảo thành. Bảo thành có vòng tường xây gạch, cao 3,5m, chu vi 273m, bao bọc lấy một quả đồi tự nhiên hình tròn, trên trồng thông. Bên dưới là Huyền cung xây ngầm trong lòng đất.⁽¹³⁾ Toàn bộ trục Thần đạo này dài hơn 700m.

Đối xứng qua trục Thần đạo về bên trái, mở đầu là Tả Hồng Môn, sau đó là các công trình nằm rải dọc ven hồ Trùng Minh, như Truy Tư Trai, Quan Lan Sở, Linh Phương Các, Tả Tùng Phòng, Nghinh Lương Quán.

Bên phải trục trung tâm, mở đầu là Hữu Hồng Môn, rồi đến Hư Hoài Tà, Thần Khố, Hữu Tùng Phòng, Thuần Lộc Hiên, Điều Ngư Đình. Hầu hết các công trình ở hai trục tả, hữu này đã bị đổ nát, nay chỉ còn nền móng.

II.2.2.3. Lăng vua Thiệu Trị

Đây là một khu vực rộng lớn, bao gồm 3 khu lăng: Xương Lăng, Hiếu Đông Lăng và Xương Thọ Lăng, ngoài ra còn có nhiều tẩm mộ của một số thành viên trong gia đình vua Thiệu Trị.

- *Xương Lăng*: Có bố cục chia thành 2 phần: khu tẩm thờ (bên hữu) và khu lăng mộ (bên tả), song song với nhau, đều dựa lưng vào núi thấp, hướng mặt ra đồng ruộng, về phía tây bắc, không có La thành bao bọc; tổng diện tích khu vực này khoảng 6ha. Về quy mô và hình thức kiến trúc, các công trình tại Xương Lăng gần tương tự với Hiếu Lăng của vua Minh Mạng, nhưng nhỏ và đơn giản hơn.

Mở đầu trục tẩm thờ là bình phong xây gạch, tiếp đó là hồ bán nguyệt (rộng 2.400m²), đến Phường môn bằng đá cẩm thạch, rồi sân tế với 3 tầng, lát gạch Bát Tràng, lối giữa lát đá Thanh. Khu vực tẩm điện có tường thành hình chữ nhật bao bọc, trở cửa 4 phía; mặt trước là Hồng Trạch Môn, cấu trúc tựa Hiên Đức Môn của lăng Minh Mạng, tiếp đến là điện Biểu Đức (mặt nền 23,4x21,5m), cấu trúc nhà kép gần như điện Sùng Ân, trước và sau ở hai bên cũng có Tả Hữu Vu, Tả Hữu Tòng Viện. Cổng sau kiểu cửa vòm xây gạch.

Trục lăng mộ mở đầu bằng hồ Nhuận Trạch hình bán nguyệt (3.300m²), sau đó là bình phong xây gạch, nghi môn đúc bằng đồng, rồi đến sân châu lát gạch Bát Tràng với hai bên là thạch tượng sinh (voi, ngựa, quan văn, quan võ). Tiếp theo là tòa Bi đình, đặt trên nền đài cao 2,65m, cấu trúc gần giống nhà bia lăng Minh Mạng bên trong đặt tám bia “Thánh đức thần công” do vua Tự Đức soạn. Tiếp đến là Đức Hình Lâu, và chéch ra sau là Hiên Quang Các. Đức Hình Lâu kiến trúc tương tự như Minh Lâu nhưng chỉ



Không ảnh Xương Lăng

còn lại nền móng (mặt nền 18,5x18,5m); hai bên có 2 trụ biểu xây gạch. Tiếp theo là hồ Ngưng Thúy, rộng 7.600m², hình bán nguyệt, ôm bọc lấy Bảo thành hình tròn. Nối thông qua hồ là 3 chiếc cầu Chánh Trung, Đông Hòa (tả) và Tây Định (hữu). Bảo thành xây gạch, cửa bằng đồng, chu vi 260m, bên trong trồng thông um tùm tựa Bảo thành lăng Minh Mạng.

- *Xương Thọ Lăng*: Là lăng của bà Thái hậu Từ Dũ (thân mẫu vua Tự Đức), nằm ở phía tây của phần tẩm thờ, cấu trúc khá đơn giản. Phía trước có hồ bán nguyệt, sau là 3 tầng sân tể. Bảo thành gồm 2 lớp hình chữ nhật lồng vào nhau. Lân tường ngoài cao 3,6m, chu vi 89,4m; lân tường trong cao 2,65m, chu vi 60,5m; trước sau đều có bình phong che chắn, cánh cửa làm bằng đồng. Bảo phong xây kiểu thạch thất như lăng Gia Long.

- *Hiếu Đông Lăng*: Là lăng của bà Thái hậu Hồ Thị Hoa, thân mẫu vua Thiệu Trị. Lăng nằm phía trước Xương Lăng, gần bờ sông Hương. Bố cục chia thành các phần: khu ngoại lăng, khu nội lăng, khu tẩm phụ thuộc. Khu ngoại lăng gồm Bến Ngự (bến thuyền bên sông Hương), Ngự Lộ (con đường đất rộng 3m dẫn vào lăng), 2 trụ biểu xây gạch cao 15m, Công Sở Đài (tòa nhà dành cho binh lính canh trực, rộng 5 gian, nay đã bị hủy hoại). Khu nội lăng bắt đầu bằng hồ bán nguyệt (rộng hơn 2.000m²), rồi đến 3 sân châu; sân tể lát gạch Bát Tràng (lối giữa lát đá Thanh); rồi đến Bảo thành. Bảo thành quy chế 2 lớp bao bọc lấy Bảo phong ở trong; lớp tường ngoài dài 26m, rộng 20,7m, cao hơn 3m; tường trong dài 16m, rộng 13,8m, cao 2,6m. Bảo phong xây đá Thanh, kiểu thức như lăng Thiên Thọ, dài 4m, rộng 3,12m, cao 1,3m; phía trước có hương án bằng đá; trước sau đều có bình phong che chắn. Các lăng mộ phụ thuộc có lăng cố Hoàng nữ, lăng Tảo thương và lăng Chư công; đây là tẩm mộ những người con của nhà vua bị chết khi còn nhỏ.

II.2.2.4. Lăng vua Tự Đức



Không ảnh lăng Tự Đức

Đây là khu lăng mộ rộng lớn với tổng diện tích gần 500ha, riêng nội lăng khoảng 15ha, bao gồm 3 khu lăng: Khiêm Lăng, Khiêm Thọ Lăng và Bồi Lăng. Điểm đặc biệt của khu lăng này là toàn bộ việc thiết kế đều do vua Tự Đức thực hiện và trong khoảng 16 năm sau khi xây dựng xong (1867-1883) nó là một Ly Cung, sau đó mới trở thành khu lăng tẩm.

- *Khiêm Lăng*: Về bố cục, nhìn chung Khiêm Lăng kế thừa các ý tưởng của Xương Lăng (cũng là khu lăng do vua Tự Đức thiết kế) để chia lăng thành 2 trục, lăng và tẩm (nhưng tẩm đặt bên tả, lăng đặt bên hữu), đồng thời bổ sung thêm kiến trúc vườn cảnh ở mặt trước, bao quanh hồ Lưu Khiêm, nên tổng thể khu lăng trông mềm mại, nên thơ hơn rất nhiều. Ngoài 2 trục lăng chính thì Khiêm Thọ Lăng và Bồi Lăng đều là những lăng mộ được táng vào sau, không theo quy hoạch từ đầu nên đã ảnh hưởng đến tổng thể kiến trúc của lăng Tự Đức.

La thành xây bằng gạch và đá, cao 2,5m, chu vi hơn 1500m, mở 3 cửa: Vụ Khiêm, Thượng Khiêm và Tự Khiêm. Khu vực cảnh quan phía trước chủ

yếu là hồ Lưu Khiêm, lấy nước từ bên tả, chạy suốt ôm vòng cả hai trục lăng và tẩm. Giữa hồ có Khiêm Đảo, trên dựng 3 ngôi đình nhỏ là Nhã Khiêm, Lạc Khiêm và Tiêu Khiêm, bên bờ hồ có 2 tòa thủy tạ Dũ Khiêm và Xung Khiêm; lại có 3 chiếc cầu gạch Tuần Khiêm, Tiễn Khiêm và Do Khiêm nối liền hai bờ hồ và chiếc cầu gỗ nối qua đảo.

Trục tẩm nguyên là phần chính của Ly Cung, ngoài có 2 tòa nhà vuông Công Khiêm, Cung Khiêm, cửa chính là Khiêm Cung Môn, 3 gian, có cổ lầu. Qua cửa hai bên là Lễ Khiêm Vu và Pháp Khiêm Vu, điện chính Hòa Khiêm làm theo kiểu nhà kép, là nơi thờ bài vị vua Tự Đức và hoàng hậu. Phía sau điện Hòa Khiêm là điện Lương Khiêm, vốn là tẩm cung dành cho vua nghỉ ngơi, sau thành nơi thờ Thái hậu Từ Dũ (mẹ vua); hai bên là Ôn Khiêm Đường (nhà để trang phục) và Minh Khiêm Đường (nhà hát riêng của vua), phía sau là Tòng Khiêm Viện và Dụng Khiêm Viện. Sau nữa lại có Ích Khiêm Các, vườn hoa. Bên hữu trục tẩm có một khu vực rộng với nhiều dãy nhà ngăn thành các phòng nhỏ, là nơi dành cho phi tần ở mỗi khi nhà vua lên Khiêm Cung. Gần ra phía trước là Chí Khiêm Đường (nơi thờ cung phi tiền triều), hai bên có Y Khiêm Viện và Trì Khiêm Viện.

Trục lăng đặt lùi về phía sau so với trục tẩm (xây dựng cũng muộn hơn). Mở đầu là sân châu với hai hàng thạch tượng sinh (tượng đắp vôi vữa), tiếp đến là Bi đình trong đặt tẩm bia khổng lồ khắc bài *Khiêm cung ký* do chính vua Tự Đức soạn. Bia cao 4m, rộng 2,15m đặt trên bệ đá cao 1m, dài 3,08m, rộng 1,6m. Tiếp đến là ao Tiểu Khiêm hình bán nguyệt, rồi Bảo thành 2 lớp, trong dựng Bảo phong bằng đá Thanh, kiểu dáng tựa Bảo phong lăng Gia Long. Bảo phong dài 2,96m, rộng 1,58m, cao 2,47m.

Khiêm Lăng cũng là ngôi lăng hiếm hoi mà quy chế về Huyền cung được quy định rõ. Một bản tấu năm 1883 được phê chuẩn đã cung cấp những thông tin rất quý cho việc tìm hiểu khu lăng mộ này:

“Đã cho xây dựng Huyền cung, tầng thứ nhất dùng quách gỗ, tầng thứ hai dùng quách đá, tầng thứ ba và dưới đáy đều lát 5 phiến đá; chu vi lần trong xây 2 lượt đá, lần ngoài xây gạch (dày 1 thước 5 tấc), bên trên xây nhà đá, kỷ đá, đều một tòa; mặt trước mở đường hầm, sẽ có xe rồng để đẩy vào. Lại xây tường thành, trong làm bình phong trước sau, cửa lầu, cửa ngách, cánh cửa bằng đồng, cột đồng trụ chạm vẽ hình rồng. Các khoản vật liệu cần dùng: đá Thanh, đá Quảng khoảng hơn 2.000 phiến; các hạng gạch hơn 400.000 viên; các hạng ngói hơn 7.000 viên; các hạng vôi hơn 20.000 cân; các hạng trà hơn 480.000 cân; nhựa thông hơn 700 cân; chì hơn 1.000 cân, mật mía hơn 30.000 cân; sắt hơn 3.000 cân; lưới rách hơn 200 cân; còn các hạng thuốc trên dưới 20, 30 cân; Quản suất viên binh hơn 1.200 người; thợ đá 200 tên, thợ mộc 150 tên, thuyền Ô, thuyền Lê, san bản 15 chiếc, nhận làm việc 1 năm 2 tháng”.⁽¹⁴⁾

- *Lăng Khiêm Thọ*: Lăng của Lệ Thiên Anh Hoàng Hậu, vợ vua Tự Đức. Quy mô khá nhỏ, nằm bên tả phần lăng vua Tự Đức, đối diện qua hồ Lưu Khiêm. Khu lăng chỉ bao gồm 5 sân tế trong đó có 4 tầng lát gạch, Bảo thành và Bảo phong. Trên sân tế có sân nền nhà và các lỗ cột để dựng

nhà Hoàng ốc mỗi khi tế lễ. Bảo thành 2 lớp tường, trước sau đều có bình phong che chắn. Tường ngoài 31,5x21,3m; tường thành trong 19x14,55m. Bình phong trước của lăng Khiêm Thọ được trang trí ghép sành sứ rất đẹp. Bảo phong xây bằng đá Thanh, tương tự lăng vua, dài 2,96m, rộng 1,58m, cao 2,5m.

- *Bồi Lãng*: Lăng được xây dựng năm 1884, sau khi vua Kiến Phúc băng hà sau 4 tháng trị vì. Vị vua này là một trong 3 người con nuôi của vua Tự Đức.⁽¹⁵⁾ Trong bối cảnh đất nước vô cùng khó khăn, triều Nguyễn đã quyết định bồi táng ông vào khuôn viên lăng vua cha, lấy tên là Bồi Lãng. Lăng nằm ở bên tả ngạn hồ Lưu Khiêm, cùng phía với Khiêm Thọ Lăng. Khu lăng chia thành 2 phần: phần tẩm thờ sử dụng tòa Cháp Khiêm Trai (đổi thành Cháp Khiêm Điện) làm nơi thờ tự, bên tả là lăng nhà vua. Cháp Khiêm Điện kiểu nhà kép nhưng cấu trúc đơn giản (mặt nền 16,3x10,8m), bên hữu còn có hành lang, nhà phụ. Sau điện có nền móng Di Khiêm Lâu, đây vốn là tòa nhà 2 tầng (36 cột trụ, mặt nền 16,3x16,3m), đặt trên nền cao 1,56m, khi xây Bồi Lãng bị triệt giải. Khu lăng có 3 tầng sân tế, 2 vòng tường thành, vòng ngoài 14,7x16,9m, cao 2,4m; vòng trong 10,2x8,2m, cao 1,8m. Bảo phong xây rất thấp, cao 0,37m, dài 2,7m, rộng 1,4m, bên dưới là Huyền cung, quy cách xây dựng cũng được tư liệu ghi rõ.

II.2.2.5. Lăng vua Dục Đức

Đây là khu lăng tẩm gần Kinh thành nhất, rộng gần 6ha, bao gồm lăng của vua Dục Đức (An Lăng) hiệp táng cùng Từ Minh Hoàng Hậu, lăng vua Thành Thái, lăng vua Duy Tân cùng nhiều thành viên khác thuộc đệ tứ chánh hệ.⁽¹⁶⁾ Do vua Dục Đức chỉ làm vua được 3 ngày, chưa kịp đặt cả niên hiệu, bị phế truất và chết thảm trong ngục nên lúc đầu việc chôn lấp rất sơ sài. Sau khi Thành Thái (con trai vua Dục Đức) lên ngôi thì mới cho xây dựng quy mô và đặt tên lăng.

An Lăng cũng chia thành 2 phần, lăng (tả) và tẩm (hữu), xây song song với nhau, hướng mặt về phía tây bắc. Phần tẩm điện có tường thành bao bọc, diện tích 4.202m² (73,6x57,1m), trổ 4 cửa. Sau cửa tam quan xây gạch là bình



Cổng chính phần lăng vua Dục Đức.

phong, sân tế, đền điện Long Ân, kiểu nhà kép 5 gian (mặt nền 22,2x20,2m), trong thờ bài vị vua Dục Đức và hoàng hậu, sau bổ sung thêm vua Thành Thái và vua Duy Tân. Phía sau điện Long Ân là Tả Hữu Tòng Viện.

Khu lăng cũng có La thành theo kiểu 3 lớp, đều xây gạch bao bọc lấy một khu vực có diện tích 3.442,5m² (67,5x51m), trổ 3 cửa mặt trước và 2 cửa ở hai bên.

Cửa chính giữa phía trước kiểu tam quan 3 tầng, xây gạch, 2 cửa bên kiểu cửa vòm. Qua cửa là sân chầu rộng 1.368m^2 , qua lớp thành trong là Bảo thành ($38,6 \times 14,5\text{m}$). Trong Bảo thành có nhà Hoàng ốc hình vuông (cạnh 7m) sườn gỗ, lợp mái ngói hoàng lưu ly. Hai bên nhà là Bảo phong gồm 2 ngôi mộ xây liền kề kiểu “càn khôn hiệp đức” như Thiên Thọ Lăng nhưng kiểu hình khối chữ nhật với 5 tầng chồng lên nhau, cao 0,84m.

Điểm đặc biệt của An Lăng là không có nhà bia và thạch tượng sinh.

Lăng vua Thành Thái và lăng vua Duy Tân đều nằm ở phía đông của An Lăng, do mới đưa vào sau nên việc xây dựng đơn giản, không khác gì mồ mả của người dân bình thường.

II.2.2.6. Lăng vua Đồng Khánh

Đây cũng là một khu vực lăng tẩm rộng lớn, nối liền với khu vực lăng vua Tự Đức, tạo nên một quần thể lăng tẩm rộng gần 500ha. Riêng trong khu vực này có các lăng tẩm khác nhau: Tư Lăng của vua Đồng Khánh, Thiên Thành Cục của Kiên Thái Vương và một số tẩm mộ của các thành viên khác trong gia đình với thời gian xây dựng cũng rất khác nhau.⁽¹⁷⁾

Tương tự như lăng mộ các vị vua Nguyễn khác, Tư Lăng gồm có 2 phần: khu điện thờ và khu lăng mộ.

Khu điện thờ tọa lạc trên một ngọn đồi, quay mặt hướng đông nam, lấy đồi Thiên An, cách đó khoảng 3km làm tiền án. Toàn bộ khu vực này có vòng tường xây gạch hình chữ nhật bao bọc. Tường cao 3m, dày 0,55m, chu vi 262m; khoảng giữa 4 mặt đều trở cửa. Cửa hậu và hai cửa bên đều làm theo lối cửa vòm cuốn, có mái đúc giả ngói, còn cửa chính phía trước, mang tên Cung Môn làm bằng gỗ, kiểu 3 gian, 2 tầng. Từ nền Cung Môn đi ra phía trước có đến 15 bậc cấp bằng đá Thanh, 2 bên đắp rồng châu thành bậc, đi ra phía sau có 3 bậc cấp dẫn xuống sân trước điện Ngưng Hy.

Điện Ngưng Hy là ngôi điện chính của khu điện thờ, cấu trúc kiểu nhà kép trùng thiềm điệp ốc với 3 ngôi nhà ghép 7 gian 2 chái liền nhau dựng trên một mặt nền thống nhất, gần như vuông ($25 \times 24\text{m}$). Cả 3 phần của điện đều 7 gian, 2 chái với tổng cộng 100 cây cột gỗ lim sơn son thếp vàng rực rỡ. Ở chính điện ngoài bài vị vua Đồng Khánh, hai bên tả, hữu còn thờ bài vị 2 Hoàng hậu Thánh Cung, Tiên Cung.

Phía trước điện Ngưng Hy, bên tả là Công Nghĩa Đường, bên hữu có Minh Ân Viện, đều kết cấu kiểu 3 gian 2 chái, dùng làm nơi thờ các công thần. Sau điện, hai bên có Tả, Hữu Tòng Viện, cũng kết cấu kiểu 3 gian 2 chái, dùng làm nơi sinh sống của các cung phi sau khi vua mất.

Khu lăng mộ cũng nằm trên một ngọn đồi cao, quay mặt về hướng đông-đông nam, lấy ngọn Thiên Thai làm tiền án, cấu trúc tương tự lăng mộ các vua Nguyễn tiền triều nhưng đã dùng vật liệu xi măng, sắt thép. Bảo phong nằm trong 3 vòng tường thành xây gạch hình vuông. Vòng tường ngoài ($25 \times 25\text{m}$), cao 1,6m, dày 0,5m; vòng tường thứ 2 chỉ cao 0,5m, dày 0,7m; vòng tường thứ 3 cao đến 3,4m, dày 0,6m. Cả 3 vòng tường đều trở

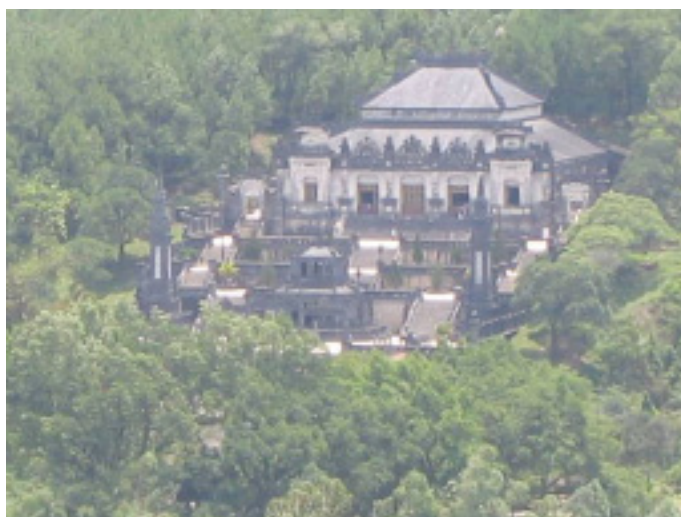
một cửa phía trước; sau cửa ngoài cùng có bình phong trang trí hồ phù và chữ thọ. Bảo phong xây bằng đá Thanh kiểu một ngôi nhà có mái, dài 4,2m, rộng 2,6m, bờ nóc và đầu hồi trang trí hình rồng, dơi và chữ thọ.

Phía trước lăng là 3 tầng sân tể rộng 25,7m, tầng sân trên dài 10m, lát gạch carô, tầng sân giữa dài 7m, tầng dưới cùng dài 5,2m, đều lát gạch Bát Tràng. Trước nữa là nhà bia hình tứ giác xây gạch, mái đúc giả ngói ống, trong dựng bia “Thánh đức thần công” bằng đá Thanh. Bia cao 3m, rộng 1,45m, dày 0,16m đặt trên bệ cũng bằng đá Thanh cao 0,6m, rộng 0,8m, dài 2,8m. Trên bia khắc bài văn ca ngợi công đức vua cha của vua Khải Định viết năm 1916. Hai bên nhà bia là hai trụ biểu xây gạch trát vữa xi măng.

Sân Bái đình nằm phía trước nhà bia, ngoài cùng là Nghi môn kiểu tam quan đắp trụ tròn, nền sân lát gạch Bát Tràng. Hai bên sân Bái đình thiết trí hai hàng tượng gồm quan văn, quan võ, ngựa, voi. Khác với tượng đá Thanh ở các lăng mộ vua Nguyễn tiền triều, tượng ở đây đắp bằng gạch và vôi vữa, hình thức tượng khá thanh mảnh. Tất cả các tượng đều được đặt trên các bệ vuông xây gạch.

Nhìn chung, về hình thức, Tư Lăng cũng tương tự các lăng mộ các vua Nguyễn khác. Nét đặc sắc ở đây có lẽ là điện Ngưng Hy với kiểu kết cấu nhà ghép 3 căn mang trên mình nó những hình thức trang trí nghệ thuật hết sức phong phú và độc đáo của nghệ nhân Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Về mặt lịch sử kiến trúc, Tư Lăng là công trình đánh dấu sự ảnh hưởng của kiến trúc hiện đại vào kiến trúc truyền thống Việt Nam.

II.2.2.7. Lăng vua Khải Định



Tổng thể Ứng Lăng

Túc Ứng Lăng, là lăng tẩm hoàng đế được xây dựng cuối cùng của thời Nguyễn. Khu lăng xây trên sườn núi Châu Chữ, mặt quay về hướng tây nam, toàn bộ không gian rộng lớn quanh lăng đều có rừng thông bao phủ. Giữa không gian ấy, lăng Khải Định nổi bật lên như một tòa lâu đài đồ sộ của Tây Âu thời Trung cổ. Mặt bằng xây dựng lăng hình chữ nhật (117x48,5m), có hàng rào cao 3m bảo vệ. Toàn bộ khu tẩm điện và lăng mộ hòa

chung với nhau thành một trục thống nhất, bố trí trên 7 tầng sân với 127 bậc cấp xây gạch. Tầng dưới cùng là con đường chạy qua trước mặt lăng, vượt qua 37 bậc cấp mới đến cửa chính. Hệ thống bậc cấp chia thành 3 lối đi, hai bên thành bậc đắp nổi 4 con rồng rất lớn, tư thế bò từ trên xuống.

Qua khỏi cửa chính là tầng sân thứ 2, hình chữ nhật (47x24,5m), lát gạch carô. Hai bên sân có hai nhà Tả Hữu Tòng Tự, tục gọi là nhà Xanh, đều 3 gian, xây vách, mái lợp ngói liệt; trong thờ bài vị các công thần. Qua tiếp 29 bậc cấp nữa là sân Bái đình (47x40,5m). Nghi môn kiểu tam quan đồ sộ ở phía trước. Hai bên sân, mỗi bên có 2 hàng tượng gồm quan văn, quan võ, binh lính, ngựa, voi tạc bằng đá, đứng chầu. Bi đình đặt ở giữa phía cuối sân. Nhà bia xây hoàn toàn bằng bê tông, chia hai tầng mái, lợp ngói ardoise. Trong Bi đình là tấm bia bằng đá Thanh đặt trên bệ đá kiểu chân quỳ khắc bài văn ca ngợi công đức vua Khải Định. Bia cao 3,1m, rộng 1,2m, bệ bia cao 0,76m, rộng 0,85m, dài 2,1m. Cả bia và bệ đều chạm khắc công phu, hình thức kiểu bia đá Huế truyền thống. Sau Bái đình là 3 tầng sân cũng hình chữ nhật, lát gạch carô, mỗi tầng cách nhau 13 bậc cấp, thành bậc đều đắp 4 con rồng cùng tư thế bò từ trên xuống. Trên sân có các bồn hoa hình chữ nhật trồng các loại cây cảnh, đặc biệt ở tầng sân thứ 2 còn có hai cột cờ bằng bê tông khá hiện đại dùng để treo cờ vào dịp lễ tết. Cung Thiên Định nằm ở tầng sân thứ 7, phía cuối trục Thần đạo, và cũng là vị trí cao nhất của lăng. Đây là một tòa nhà đồ sộ kiêm cả chức năng điện thờ và nơi đặt thi hài của nhà vua. Cung Thiên Định có mặt bằng hình chữ nhật (34,5x26,4m), nền lát đá cẩm thạch, không gian chia làm 5 phòng. Hai bên là Tả, Hữu Trục Phòng, tường quét giả màu đá cẩm thạch. Ba phòng giữa xếp theo hình chữ tam. Phòng phía trước đặt án thờ đúc bằng bê tông, phía trên có bức hoành đề tên điện (Khải Thành Điện). Toàn bộ 4 mặt tường được trang trí hết sức công phu bằng mảnh sành sứ ghép nổi với các đề tài bát bửu, tứ thời, ngũ phúc ghép với các câu thơ. Trần nhà trang trí bằng bức tranh Cửu long ẩn vân vẽ rất hoành tráng. Phòng giữa đặt bức tượng đồng mạ vàng vua Khải Định ngồi trên ngai vàng, đúc năm 1920 tại Pháp. Trên đầu tượng là chiếc Bửu tán bằng bê tông, sau lưng tượng là hình mặt trời đang lặn xuống. Phía dưới tượng, ở độ sâu 9 mét là nơi chôn cất thi hài nhà vua. Phòng trong cùng có nền cao hơn các gian ngoài 1,7m. Đây là gian đặt bàn thờ và bài vị vua Khải Định cùng các đồ tự khí, ngự dụng. Có thể nói rằng, giá trị lớn nhất của lăng Khải Định là nghệ thuật trang trí bằng cách ghép nổi mảnh sành sứ và những bức tranh hoành tráng ở nội thất cung Thiên Định. Nhưng nhìn một cách toàn diện thì đây còn là khu lăng rất thành công trong việc kết hợp một cách hài hòa các trường phái kiến trúc Đông - Tây để tạo nên một dấu ấn đặc biệt trong lịch sử kiến trúc Việt Nam.

Một số nhận xét

- Các lăng tẩm triều Nguyễn đều đặt ở phía tây, tây nam Kinh thành, nằm gần hai bờ sông Hương và hầu hết tách biệt nhau. Quy mô tổng thể lăng tẩm rất lớn với diện tích hàng trăm héc ta, nhưng quy mô các công trình kiến trúc không lớn, được tạo tác rất hài hòa với tự nhiên.

- Về bố cục, lăng tẩm các vua Nguyễn và hoàng hậu có thể chia thành 3 loại: 1) Bố cục theo chiều dọc theo một tổng thể xuyên suốt (lăng Minh Mạng, lăng Khải Định); 2) Bố cục thành hai phần, lăng và tẩm song song với nhau (Thiên Thọ Hữu Lăng, Xương Lăng, Khiêm Lăng, An Lăng, Tư

Lăng, Ứng Lăng...); 3) Bố cục thành 3 phần lăng - tấm - nhà bia song song với nhau (Thiên Thọ Lăng). Loại đầu theo kiểu chữ *nhất* (一), loại thứ hai kiểu chữ *nhị* (二), loại thứ 3 vừa giống chữ *tam* (三) vừa giống chữ *nhất* (theo chiều ngang). Những cách sắp xếp bố cục trên có lẽ đều xuất phát từ sự cải biến bố cục của khu lăng đầu tiên - lăng Thiên Thọ, nhưng thực sự đã tạo nên sự phong phú, đa dạng của kiến trúc lăng tẩm Nguyễn, nhất là khi mỗi khu lăng đều biết gắn liền với điều kiện tự nhiên để tạo dựng các công trình cho phù hợp.

- Trong các khu lăng triều Nguyễn, yếu tố nước (thủy) giữ vị trí rất quan trọng, có lẽ chỉ sau yếu tố núi (sơn), trừ Ứng Lăng, tất cả các khu lăng đều tạo hồ nước bên trong và đôi khi chiếm diện tích rất lớn (Hiếu Lăng với hồ Trùng Minh; Xương Lăng với hồ Điện, hồ Nhuận Trạch, ao Ngưng Thúy; Khiêm Lăng với hồ Lưu Khiêm, ao Lưu Khiêm). Chính yếu tố nước đã làm kiến trúc các khu lăng mềm mại, nên thơ và giàu bản sắc phương nam hơn. Bên cạnh đó các loại cây cối, hoa cỏ (mộc) cũng rất được chú trọng. Các khu lăng đều được đặt trong những khu rừng lớn tự nhiên, được trồng rất nhiều loại cây, hoa... thể hiện rõ lối *kiến trúc cảnh vật hóa* hướng đến sự hòa đồng với thiên nhiên.

- Các loại vật liệu xây dựng lăng tẩm thời Nguyễn thể hiện rõ tính chất thời đại. Trong giai đoạn đầu, đều sử dụng vật liệu truyền thống là gỗ, gạch ngói, đá (trong đó có rất nhiều đá núi lấy tại chỗ), nhưng giai đoạn sau đã sử dụng cả vật liệu hiện đại nhập ngoại như xi măng, sắt, ngói ardoise, sành sứ... (Tư Lăng, Ứng Lăng).

II.2.3. Viên tẩm của các thành viên khác thuộc hoàng gia

Có thể quy thành 3 loại: 1) Viên tẩm của thân vương, thân công; 2) Viên tẩm của hoàng tử, công chúa đã trưởng thành; 3) Viên tẩm của phi tần;⁽¹⁸⁾ 4) Sơn phần Tảo thương.⁽¹⁹⁾

Từ năm Minh Mạng thứ 19 (1838), triều Nguyễn quy định quy thức viên tẩm cho phi tần, cung tần, tiệp dư... Nhưng đến năm Tự Đức 16 (1863) mới có thêm quy định chi tiết cho các đối tượng khác. Cụ thể như sau:

“Viên tẩm của Thân vương, Quận vương, Thân công chiếu theo lệ viên tẩm các phi, tường trong đều cao 4 thước 1 tấc, dày 1 thước 4 tấc (dưới này dày cũng thế), dài 2 trượng 7 thước, rộng 2 trượng 7 thước. Tường ngoài cao 4 thước 5 tấc, dày 2 thước 2 tấc (dưới này dày cũng thế), dài 5 trượng 4 thước, rộng 4 trượng 5 thước. Mặt trước chính giữa xây cửa nguyệt môn, cánh cửa bằng gỗ sơn son, trong cửa, trước bình phong dựng một bia đá (dưới này cánh cửa kiểu bia và chỗ dựng như nhau) khắc mấy chữ “mỗ Thân vương hoặc mỗ Thân công, mỗ Quận vương chi tẩm”. Phía trước xây Bái đình, 2 cấp, mỗi cấp rộng 6 thước. Tường bao lon (nữ tường) mặt tiền tả hữu đều cao 1 thước 8 tấc, dày 7 tấc, chung quanh giới cấm đều 20 trượng. Viên tẩm các Quốc công, Quận công, và các công chúa đã phong, chiếu theo lệ viên tẩm các bậc tần: Tường trong đều cao 3 thước 6 tấc, dài 2 trượng 3 thước, rộng 2 trượng 3 tấc. Tường ngoài cao 4 thước 1 tấc, dài 4 trượng 5 thước, rộng 3 trượng 6 thước.

Một bia đá khắc mấy chữ “mỗ Quốc công” hoặc “mỗ Quận công, mỗ công chúa chi tẩm”. Nhưng không xây Bái đình và nữ tường (dưới này cũng thế); giới cấm chu vi đều 12 trượng. Sơn phần các hoàng thân chúa phong và công chúa chúa phong thì theo như lệ sơn phần tiếp dư: Tường trong đều cao 3 thước 2 tấc, dài 2 trượng 1 thước, rộng 1 trượng 8 thước. Tường ngoài cao 4 thước, dài 3 trượng 6 thước, rộng 3 trượng 2 thước. Bia đá khắc mấy chữ “tiền triều” hoặc “mỗ tiền triều hoàng thân”, hoặc “tiền triều tiền triều công chúa đệ kỷ thứ chi mộ”, giới cấm chu vi đều 8 trượng”.⁽²⁰⁾

Về quy cách bia mộ thì đã có quy định từ năm 1838:

“Viên tẩm của các phi thì bia đá cao 2 thước 3 tấc 4 phân, rộng 1 thước 3 tấc 5 phân, dày 2 tấc 7 phân, đỉnh cao 7 tấc 2 phân, dài 1 thước 8 tấc, chân cao 5 tấc 4 phân, dài 2 thước 2 tấc, tất cả cao 3 thước 6 tấc. Mặt đỉnh và chung quanh thân bia, cả chân nữa đều khắc hình hoa văn, giữa khắc chữ “Viên tẩm của phi tần nào, họ nào”.⁽²¹⁾

Viên tẩm của cung tần, sơn phần của tiếp dư cho đến cung nhân cũng được quy định chi tiết cả về kích thước, trang trí và bia mộ.⁽²²⁾

Đối với sơn phần của hoàng tử, công chúa chết yếu thì chiếu theo quy định của bậc Ngọc nhân:

“...làm tường gạch dài 18 thước, rộng 16 thước, cao 2 thước 7 tấc 5 phân, dày 1 thước 7 phân; trước bình phong dựng một bia đá, cao 1 thước 5 tấc, rộng 8 tấc 2 phân, dày 2 tấc 5 phân; chân bia cao 4 tấc, dài 1 thước 4 tấc, rộng 8 tấc 1 phân. Vật liệu cấp gạch vô loại xây thành 1.200 viên, đá núi 1 đồng và 5 phần đồng, vôi 2.500 cân, mật mía 49 cân, giấy bồi 350 tờ, bia đá 1 tấm và làm thêm 2 bức cánh cửa, dân phu 24 người, làm việc 24 ngày, cấp tiền 72 quan, gạo 19 phương 6 bát”.⁽²³⁾

III. Nghi thức tang lễ và thờ cúng

Quy chế về tang lễ và thờ cúng hoàng đế, hoàng hậu được triều Nguyễn quy định rất rõ trong sách *Hội điển* (quyển 124-127) và *Hội điển tục biên* (quyển 24). Việc tang lễ và thờ cúng vốn được triều Nguyễn đặc biệt coi trọng và xem đây là cách thể hiện lòng chí hiếu của con cháu với ông bà tổ tiên. Về cơ bản, quy chế tang lễ và thờ cúng được quy định như sau.

III.1. Tang lễ

Các nghi thức thực hiện tang lễ hoàng đế hết sức cầu kỳ và được mô tả rất chi tiết trong tư liệu, về đại thể thì gồm các phần sau:

- Sau khi hoàng đế băng hà sẽ đặt thi hài tại điện Càn Thành, kết Thần bạch,⁽²⁴⁾ làm lễ Tiểu liệm trên giường nằm, tế Điện.
- Làm lễ Đại liệm ở phía đông chính tẩm, tế Điện.
- Rước thi hài vào tử cung (quan tài), vua mới cùng hoàng thân công, quan từ nhị phẩm trở lên khóc lạy (2 lạy), tế Điện.
- Bá cáo toàn thể nhân dân trong nước về lễ đại tang của hoàng đế.



Một số hình ảnh về lễ tang vua Khải Định (1925)

- Rước tử cung đến điện riêng (vua Gia Long đưa đến điện Hoàng Nhân, vua Minh Mạng đưa đến cung Khánh Ninh, vua Thiệu Trị đưa đến cung Bảo Định...).

- Làm lễ Thành phục, ban hành quy định về trang phục tang lễ và thời gian để tang, ban hành các điều cấm trong thời gian để tang (trang phục, vui chơi hát xướng, cưới hỏi...).

- Làm “Kim sách” và “Hương bảo” (ấn quốc bảo giả bằng gỗ) dâng tên thụy và miếu hiệu (có cáo với trời đất tại đàn Nam Giao, miếu tổ, đàn Xã Tắc).

- Thành lập ban tang lễ gồm các đại thần cao cấp nhất trong triều, chọn ngày an táng, chế tạo các dụng cụ phục vụ đưa rước tang lễ (linh xa, xe Long tuần...).

- Khâm mệnh đại thần đem ngày an táng kính cáo trời đất, tôn miếu, xã tắc. Sai quan tế cáo các lăng tẩm mà đám tang sẽ đi qua.

- Làm lễ Khải điện (lễ cuối trước khi cất đám tang).

- Rước Long giá (linh cửu vua) ra khỏi cung, lên thuyền ngược sông Hương lên lăng (Kỳ đài treo cờ trắng, bắn 9 phát thần công, toàn thể hoàng tộc, quan lại đưa tiễn, dân chúng các địa phương nơi thuyền đi qua phải lập hương án, hướng về thuyền khóc lạy đưa tiễn).

- Đến lăng, làm lễ cáo hạ huyệt, làm lễ Tiến tặg (dâng lụa, minh khí) và đốt minh khí, đặt nắp quách gỗ, xây quách đá, lấp huyệt (đóng toại đạo).

- Làm lễ tại điện chính của lăng, lễ tạ Sơn thần, Hậu thổ, làm lễ dâng Thần chủ (giao cho vị quan đức cao vọng trọng dâng Thần chủ), cất Thần bịch rồi đem đi chôn, đưa Thần chủ cùng đoàn ngự giá về cung (rước Thần chủ về thờ tại miếu riêng).

- Quan Khâm mệnh đại thần đem việc ninh lăng đã thành tế cáo trời đất, tôn miếu, đàn Xã Tắc.

- Thân tộc và các địa phương làm lễ cung tiến, phụ tiến (dâng đồ cúng).

Việc để tang đối với nhà vua và hoàng tộc kéo dài trong 27 tháng; đối với quan lại, dân thường thì giảm dần.

Tang lễ của hoàng thái hậu, hoàng hậu về cơ bản cũng gồm các bước trên, nhưng liệm và rước tại cung Diên Thọ.⁽²⁵⁾

II.2. Việc thờ cúng

Việc thờ cúng tổ tiên, nhất là các hoàng đế, hoàng hậu sau khi qua đời được triều Nguyễn hết sức chú trọng. Các lễ cúng tổ tiên tại Liệt miếu, lăng tẩm được xếp vào hàng Đại tự (ngang với tế Nam Giao, Xã Tắc).

Các lễ cúng thường niên tại lăng, miếu được tổ chức trọng thể vào ngày giỗ của hoàng đế, hoàng hậu, Tết Nguyên đán, lễ hưởng 4 mùa, ngoài ra là các ngày sóc, vọng hàng tháng (mùng 1 và 15 âm lịch). Các lễ này do hoàng đế chủ trì hoặc cử Thân công, Khâm mệnh đại thần thay mặt chủ trì.

IV. Những nét tương đồng và dị biệt

IV.1. So sánh với lăng tẩm Việt Nam

Trong lịch sử lăng mộ đế vương Việt Nam, kiến trúc lăng tẩm triều Nguyễn đã đạt đến đỉnh cao và có phong cách riêng. So với lăng tẩm các triều đại trước, lăng tẩm thời Nguyễn vượt trội về quy mô, đa dạng về kiến trúc và cả không gian cảnh quan bao quanh khu vực (được xem như bối cảnh nền rất quan trọng của khu lăng). Các khu lăng của vua Nguyễn đầu triều đều rộng hàng trăm héc ta, thậm chí lăng Gia Long rộng đến 2.875ha, và đều tạo nên những chỉnh thể kiến trúc hoàn chỉnh, đặc biệt hài hòa với môi trường tự nhiên.

Bố cục và hình thức thể hiện của lăng tẩm triều Nguyễn cũng phong phú, chứ không nhất quán theo một khuôn mẫu, mỗi khu lăng đều có phong cách riêng và thể hiện được cá tính của chủ nhân.

Một điểm nổi bật nữa của lăng tẩm triều Nguyễn là sự gắn kết thống nhất của chúng đối với Kinh thành và các công trình kiến trúc khác ở phía đông trong một quy hoạch thống nhất mà sông Hương đóng vai trò là trục nối kết. Lăng tẩm các triều đại trước của Việt Nam như thời Trần, Lê đều được quy hoạch và xây dựng ở quê hương của các dòng họ đế vương, đều cách xa kinh đô Thăng Long.

Lăng tẩm thời Lý chủ yếu tập trung ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh) nhưng đã bị tàn phá từ sớm, ngay

các tác giả của *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng đã viết, không tìm thấy chút dấu vết nào.

Các kết quả nghiên cứu khảo cổ học đến nay mới chỉ phát hiện hai ngôi mộ của các đại thần triều Lý là mộ của Lê Văn Thịnh ở phía nam núi Thiên Thai, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh và mộ của Lê Lan Xuân ở phía nam gò Lãng Cấm, nay thuộc xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, các ngôi mộ này đều có quy mô nhỏ và không thuộc lăng tẩm hoàng gia.

Lăng tẩm thời Trần tập trung ở hai vùng chính là Tam Đường (nay thuộc xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) và An Sinh (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Ở Thái Bình vốn có nhiều khu lăng tẩm, nhưng một phần đã bị di chuyển đến vùng An Sinh từ năm 1381 để tránh sự tàn phá của quân Chiêm Thành khi họ tấn công ra Bắc.⁽²⁶⁾ Tại Thái Bình có Thọ (Huy) Lăng của Trần Thái Tổ, Chiêu Lăng của Trần Thái Tông, Dụ Lăng của Trần Thánh Tông, Đức Lăng của Trần Nhân Tông.

Vùng Quảng Ninh có Thái Lăng của Trần Anh Tông, Mục Lăng của Trần Minh Tông, Phụ Lăng của Trần Dụ Tông, Hy Lăng của Trần Duệ Tông, Nguyên Lăng của Trần Nghệ Tông.⁽²⁷⁾

Các kết quả nghiên cứu đến nay cho thấy, lăng tẩm thời Trần có địa hình rộng rãi, thoáng đãng. Mỗi lăng là một tổ hợp kiến trúc gồm *mộ phần* (nơi đặt thi thể) và *các miếu điện* để phục vụ việc thờ cúng, tế lễ.⁽²⁸⁾ Phần mộ phần ở Tam Đường chủ yếu là các gò đồng khá lớn đắp bằng sỏi, đất, phần các công trình kiến trúc dành cho thờ tự chỉ còn ở dạng di chỉ vật liệu nền móng và trang trí. Các lăng tẩm tương đối hoàn chỉnh còn lại ở An Sinh cũng có quy mô dưới 1ha. Lớn nhất là Nghệ Sơn Lăng của Trần Hiến Tông, tổng thể hình chữ nhật (111,3x71,4m), năm mộ hình vuông (19,2x19,2m), mở một cửa phía nam; đường Thần đạo có đặt tượng 1 chó đá, 1 trâu đá, 2 quan hầu, tượng hổ ngồi...⁽²⁹⁾ Các lăng khác như Mục Lăng (mặt bằng 154,6x28m), Thái Lăng (mặt bằng 61x61m) đều có quy mô nhỏ hơn.

Lăng tẩm thời Lê chủ yếu tập trung tại vùng Lam Kinh, nơi phát tích của họ Lê. Lam Kinh bắt đầu được xây dựng từ năm 1443 và liên tục được trùng tu ở các triều vua Lê sau đó. Tổng thể Lam Kinh rộng hơn 200ha, xây theo trục bắc-nam (chéch tây 10°), nhìn ra sông Chu, trước mặt có núi Án Sơn làm bình phong, sau có núi Lam Sơn làm hậu chẩm. Bố cục kiến trúc gồm phần cung điện, miếu thờ ở phía trước, sau là lăng vua và hoàng hậu. Quần thể lăng tẩm triều Lê ở Lam Kinh gồm 6 khu lăng của các hoàng đế đầu triều: Vĩnh Lăng của Lê Thái Tổ, Hiến Lăng của Lê Thái Tông, Mục Lăng của Lê Nhân Tông, Chiêu Lăng của Lê Thánh Tông, Dụ Lăng của Lê Hiến Tông, Kính Lăng của Lê Túc Tông.⁽³⁰⁾

Xét về bố cục có thể thấy, lăng tẩm của vua Lê ở Lam Kinh có chung phần *tẩm điện*, tức khu vực thờ cúng tế tự đặt chung ở phía trước; phần *lăng mộ* thì đặt tách biệt riêng ở phía sau và gần như nằm song song với nhau. Tuy nhiên đến nay, phần tẩm thờ đã bị hủy hoại.

Kết quả nghiên cứu khảo cổ học cho thấy, phần tẩm thờ chia thành 3 lớp, lớp ngoài cùng là cầu-hồ bán nguyệt-nghi môn-sân rồng; lớp thứ hai là đại điện bố cục hình chữ công (工), gồm tiền đường-nhà cầu-hậu đường; lớp thứ 3 là 9 ngôi miếu (Liệt miếu) xếp hình vòng cung.⁽³¹⁾

Phần lăng mộ, mỗi khu lăng đều có kết cấu khá hoàn chỉnh, bao gồm Thần đạo hai bên đặt tượng châu (thường gồm 5 cặp đối xứng: quan thị vệ, lân, tê giác, ngựa, hổ), hương án xây gạch và Bảo đỉnh (mộ vua). Bảo đỉnh xây hình khối chữ nhật, kiểu thức đơn giản và không có trang trí. Ở Vĩnh Lăng và Chiêu Lăng phía trước còn có bia “Thánh đức thần công” đặt trên lưng rùa, nội dung ca ngợi công đức sự nghiệp của vị hoàng đế quá cố. Bia Vĩnh Lăng là một tấm bia đá lớn, có giá trị nghệ thuật cao.

Với bố cục kiến trúc như trên, các nhà nghiên cứu của Viện Khảo cổ học cho rằng: “Lam Kinh chỉ có các công trình là nhà xây cất để thờ tự và tế lễ tổ tiên hàng năm vào các dịp lễ tết, giỗ chạp. Lam Kinh không có tính chất của một khu vực cư trú kiểu kinh đô”.⁽³²⁾

Như vậy, khác với Huế, các lăng tẩm hoàng gia của các triều đại trước đều không được quy hoạch và xây dựng gắn liền với kinh đô, mà tiêu biểu là kinh đô Thăng Long. Tuy nhiên, chắc chắn vẫn có những mối quan hệ chặt chẽ giữa hoạt động của triều đình với các vùng lăng tẩm này.

IV.2. So sánh với lăng tẩm Trung Quốc

Nhìn trên tổng thể, lăng tẩm triều Nguyễn chịu ảnh hưởng khá rõ của kiến trúc lăng tẩm triều Minh của Trung Quốc. Điều này có nguyên nhân sâu xa về chính trị, văn hóa. Mặc dù triều Nguyễn thành lập tương đương với thời kỳ phồn thịnh của triều Thanh, nhưng trong tư tưởng và tâm lý, họ vẫn xem Thanh triều là người ngoại tộc, không chính thống, chỉ thừa nhận văn hóa và sự ảnh hưởng của triều Minh. Chính vì vậy, từ kiến trúc cung điện đến đàn miếu, lăng tẩm... triều Nguyễn cũng noi theo các điển lệ của Minh triều.⁽³³⁾

Riêng về kiến trúc lăng tẩm, sự ảnh hưởng này có thể thấy rõ qua cách tổ hợp kiến trúc lăng thành 3 phần căn cứ vào 3 công năng cơ bản: an táng, tế tự và quản lý.⁽³⁴⁾

Lăng Gia Long từ cách đặt tên đến cách quy hoạch tổng thể có nhiều nét tương đồng với khu Thập Tam Lăng ở Bắc Kinh.⁽³⁵⁾ Tuy nhiên, bố cục của lăng Minh Mạng mới ảnh hưởng sâu sắc kiểu bố cục lăng hoàng đế triều Minh, từ tên gọi đến cách tổ hợp 2 phần lăng-tẩm trên một trục thống nhất. Tất nhiên, về chi tiết thì lăng Minh Mạng có những điểm khác, như việc tách Minh Lâu xa khỏi Bảo thành, và nhất là sự xuất hiện của yếu tố nước (với số lượng lớn) trong lăng.

V. Kết luận

Lăng tẩm hoàng gia thời Nguyễn là một hệ thống kiến trúc có vị trí đặc biệt quan trọng trong quần thể kiến trúc cung đình Huế, một di sản văn hóa đặc biệt đã được UNESCO tôn vinh là Di sản Văn hóa Thế giới. Tiếp

thu những giá trị truyền thống trong kiến trúc lăng mộ Việt Nam, kiến trúc lăng tẩm thời Nguyễn đã có những bước phát triển vượt bậc và thể hiện sự sáng tạo phong phú, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng đất Huế. Chính vì vậy, lăng tẩm Huế có một phong cách rất riêng và đạt đến trình độ rất cao.

Về quy mô kiến trúc, lăng tẩm thời Nguyễn cũng có sự phát triển vượt bậc, mỗi khu lăng là một chỉnh thể kiến trúc hoành tráng, vượt xa so với các thời kỳ trước. Bố cục lăng tẩm khá phong phú trong một phong cách đồng nhất. Tuy nhiên, vật liệu kiến trúc của lăng tẩm trong giai đoạn muộn đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh phương Tây, thể hiện rõ tính chuyển giao của thời kỳ lịch sử đặc biệt này.

Nhìn trong sự so sánh, lăng tẩm Huế chịu ảnh hưởng khá rõ phong cách lăng tẩm thời Minh của Trung Quốc nhưng vẫn có những sáng tạo độc đáo để làm nổi bật lên tính chất phương nam của mình.

Dù đã được quan tâm nghiên cứu từ lâu nhưng vẫn còn rất nhiều vấn đề xung quanh kiến trúc, mỹ thuật, những yếu tố văn hóa liên quan... của lăng tẩm thời Nguyễn cần phải tìm hiểu nghiên cứu để bổ khuyết, nhất là việc nghiên cứu trong sự so sánh rộng rãi và đầy đủ hơn so với lăng tẩm các nước trong khu vực ảnh hưởng văn hóa Nho giáo.

Huế, tháng 8/2010

P T H

CHÚ THÍCH

- (12) Đây là các khu lăng hoàng hậu được xây dựng độc lập dù có thể nằm chung trong tổng thể các khu lăng hoàng đế, cụ thể là: lăng Thiên Thọ Hữu (thuộc khu lăng Gia Long), lăng Hiếu Đông (nằm độc lập), lăng Xương Thọ (thuộc khu lăng Thiệu Trị), lăng Khiêm Thọ (thuộc khu lăng Tự Đức), lăng Tư Minh (nằm trong lăng Đồng Khánh), lăng Tư Thông (tức lăng Vạn Vạn, nằm độc lập).
- (13) Sách *Hội điển* cho biết, “Huyền cung được xây ngầm trong lòng đất theo quy thức người xưa”. Tôi cho rằng quy thức này giống như lăng mộ thời Minh-Thanh, có đường dẫn vào lòng núi gọi là toại đạo, trong xây địa cung có lớp quách bằng gạch đá dày, quan tài đặt ở bên trong.
- (14) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (Gọi tắt là *Hội điển tục biên*), bản chữ Hán, Bộ Công, quyển 45, tờ 16b.
- (15) Vua Tự Đức không có con nên ông nhận 3 người cháu làm con nuôi để kế vị, một người là Nguyễn Phúc Ứng Chân con của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y, hai người là Nguyễn Phúc Ứng Đăng và Nguyễn Phúc Ứng Đường con của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai. Cả 3 người này đều lần lượt làm vua là Dục Đức, Kiến Phúc và Đồng Khánh.
- (16) Nằm trong khuôn viên lăng này còn có mộ của các bà: Nguyễn Thị Định (vợ vua Thành Thái, mẹ vua Duy Tân), Nguyễn Gia Thị Anh (vợ chính vua Thành Thái), Hồ Thị Phương (vợ vua Thành Thái) và huyệt mộ bà Mai Thị Vàng (vợ vua Duy Tân) đã được xây dựng chờ lễ cải táng hài cốt của bà về chôn nơi này. Ngoài ra còn có 42 lăng mộ của các ông hoàng, bà chúa và 121 ngôi mộ đất thuộc hệ phái của vua Dục Đức.
- (17) Nguyên ở khu vực lăng này trước đã có tẩm mộ Kiên Thái Vương, thân phụ vua Đồng Khánh (đồng thời cũng là cha đẻ hai vua Hàm Nghi và Kiến Phúc). Sau khi lên ngôi, vua Đồng Khánh mới cho xây điện Truy Tư, cách đó khoảng 100m về phía đông nam để thờ cha. Công trình đang dở dang thì vua Đồng Khánh lâm bệnh rồi băng hà ngày 28/1/1889. Vua Thành Thái kế vị đã quyết định dùng điện Truy Tư để thờ vua Đồng Khánh, đổi tên thành điện Ngưng Hy, còn

bài vị Kiên Thái Vương được đưa về thờ tại Hàn Vinh từ đường, bên bờ sông An Cựu. Lăng mộ vua Đồng Khánh được xây cách điện thờ khoảng 100m về phía tây nam nhưng chỉ làm rất đơn giản. Tháng 8/1916, con trai vua Đồng Khánh là vua Khải Định cho tu sửa lăng với các vật liệu hiện đại. Những năm 1921, 1923, khu vực điện thờ lại được trùng tu. Như vậy công cuộc xây dựng lăng Đồng Khánh đã diễn ra nhiều đợt trong thời gian gần 35 năm. Sự phức tạp của lịch sử xây dựng lăng để lại dấu ấn rất rõ trên kiến trúc khu lăng mộ này.

- (18) Theo quy định, thê thiếp của hoàng đế triều Nguyễn được chia thành 9 bậc, nhưng chỉ có 2 bậc đầu là phi tần và cung tần thì lăng mộ được gọi là viên tẩm, các bậc còn lại đều gọi là mộ.
- (19) Túc là mộ của các hoàng tử, công chúa chết yếu trước khi trưởng thành, thường được chôn chung thành từng nhóm, đúng ra đều gọi là sơn phần, nhưng nay đều gọi là lăng Tảo thương.
- (20) *Hội điển tục biên*, bản chữ Hán, Bộ Công, quyển 45, tờ 40b-41a.
- (21) *Hội điển*, Bộ Công, quyển 216, phần *Quy thức viên tẩm*.
- (22) Số lượng viên tẩm tại Huế hiện còn rất lớn nhưng tư liệu đề cập đến lại khá hạn chế. Trong giới hạn một bài viết, tôi chỉ có thể đề cập sơ qua nội dung này.
- (23) *Hội điển tục biên*, Bộ Công, quyển 45, phần *Sơn phần*, tờ 46b.
- (24) Túc kết lựa trắng giả làm hình nhân để hồn phách dựa vào đó, sau khi an táng xong mới chôn Thần bạch tại lăng.
- (25) Cung Diên Thọ là biệt cung dành cho thái hậu trong Hoàng thành, được xây dựng từ năm 1804. Cung ban đầu gọi là Trường Thọ, sau là Từ Thọ, Gia Thọ, sau cùng mới là Diên Thọ.
- (26) Ngô Sĩ Liên và nhiều tác giả. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1985, tr. 205.
- (27) Ngoài ra còn có rải rác ở một số nơi khác như An Lăng của Trần Hiến Tông ở Thái Bình, lăng ở Quốc Hương (Nam Định)... Xem Ngô Sĩ Liên và nhiều tác giả, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 128, 168.
- (28) Hà Văn Tấn (chủ biên). *Khảo cổ học Việt Nam*, tập III: Khảo cổ học lịch sử Việt Nam, Nxb KHXH, Hà Nội, 2002, tr. 144.
- (29) Hà Văn Tấn (chủ biên). *Khảo cổ học Việt Nam*, tập III, sđd, tr. 146.
- (30) Ngoài ra còn có lăng của Hoàng hậu Ngô Thị Ngọc Giao, lăng bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền. Còn lăng của 4 vị vua Uy Mục, Tương Dực, Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng không táng ở đây.
- (31) Hà Văn Tấn (chủ biên). *Khảo cổ học Việt Nam*, tập III, sđd, tr. 193-195.
- (32) Hà Văn Tấn (chủ biên). *Khảo cổ học Việt Nam*, tập III, sđd, tr. 194.
- (33) Thực ra thì từ thế kỷ XVII-XVIII, các chúa Nguyễn khi hùng cứ đất Đàng Trong đã tiếp nhận tư tưởng đề cao triều Minh và không công nhận triều Thanh qua những đoàn quân tỵ nạn người Minh Hương. Rất nhiều người gốc Minh Hương đã trở thành quan lại cao cấp trong chính quyền triều Nguyễn ở thế kỷ XIX như Trịnh Hoài Đức, Phan Thanh Giản, Trần Tiến Thành...
- (34) Dương Đạo Minh trong bài viết "Trung Hoa lăng mộ khái luận" nhận xét: "Từ Minh Hiếu Lăng trở đi, kiến trúc lăng mộ Trung Quốc có sự thay đổi lớn và bước phát triển mới mẻ. Minh Hiếu Lăng căn cứ vào kiến trúc cung điện mà xây thành. Dựa vào ba yêu cầu công năng khá đặc biệt là an táng, tế tự và quản lý phục vụ để chia ra ba khu vực (ba viện) trong lăng là tiền viện, trung viện và hậu viện. Noi theo thể kiến trúc "thượng hạ nhất thể" của thời Tống tạo nên một quần thể kiến trúc vừa phục vụ hoạt động an táng vừa phục vụ hoạt động tế tự".
- (35) đều gọi chủ sơn là Thiên Thọ Sơn và đều quy hoạch chung cho cả dòng họ trong một khu vực rộng lớn. Lăng Gia Long khoảng 28km².

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Amadou Mahtar M'Bow. *Vì công cuộc bảo vệ, giữ gìn, tu sửa và tôn tạo di sản văn hóa của thành phố Huế*, UNESCO Press, 1981.
2. Phan Thuận An (1992). *Kiến trúc Cố đô Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Phan Thanh Hải (2009). "Quy hoạch và kiến trúc Kinh thành Huế", Tạp chí *Khảo cổ học*, số 4/2009.
4. Thái Văn Kiểm (1960). *Cố đô Huế*, Nha Văn hóa-Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.
5. Nội Các triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*.

6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, Nhà xuất bản Giáo dục, 10 tập.
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1909). *Đại Nam nhất thống chí*, bản Duy Tân năm thứ 3, bản chữ Hán của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.
8. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2003). *Đại Nam liệt truyện*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế.
9. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1917). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, bản in năm Khải Định thứ 2, bản chữ Hán của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.
10. Mai Khắc Ứng (1993). *Lăng của Hoàng đế Minh Mạng*, Hội Sử học Việt Nam xuất bản.
11. Mai Khắc Ứng (2004). *Khiêm Lăng và vua Tự Đức*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
12. *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (Tập san Những người bạn Cố đô Huế), bản tiếng Pháp, 1914-1944.
13. Dương Đạo Minh (1988). “Trung Hoa lăng mộ khái luận”, in trong *Trung Quốc mỹ thuật toàn tập*, bản chữ Hán, Trung Quốc mỹ thuật xuất bản xã xuất bản.

TÓM TẮT

Lăng mộ hoàng gia triều Nguyễn là một trong những bộ phận quan trọng trong tổng thể kiến trúc kinh đô Huế - Di sản Văn hóa Thế giới được UNESCO tôn vinh từ năm 1993. Nói đến Huế, người ta không chỉ nghĩ đến thành trì, cung điện, đàn miếu, chùa quán mà còn nghĩ ngay đến các khu lăng tẩm rộng lớn của các vua Nguyễn, những công trình kiến trúc đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật truyền thống và sự hài hòa với tự nhiên.

Là một đối tượng quan trọng như vậy nên lăng tẩm triều Nguyễn đã được không ít các nhà nghiên cứu từ xưa đến nay quan tâm, tìm hiểu. Hơn thế, việc nghiên cứu về lăng tẩm hoàng gia tại Huế còn cung cấp những gợi ý quan trọng cho việc tìm hiểu nghiên cứu về lăng tẩm hoàng gia của các triều đại trước và mối quan hệ giữa các vùng đất có lăng tẩm hoàng gia với các kinh đô, nhất là kinh đô Thăng Long ngàn năm gắn liền với các triều đại Lý, Trần, Lê...

Bài viết này đưa ra một cái nhìn tổng quan về lăng tẩm hoàng gia thời Nguyễn, bao gồm từ thời các chúa (1558-1775) đến thời các vua (1802-1945).

Nội dung bài viết gồm các phần: Lịch sử xây dựng; Quy thức lăng tẩm và vật liệu xây dựng; Nghi thức tang lễ và thờ cúng; Tương đồng và dị biệt; Kết luận.

ABSTRACT

ROYAL TOMBS OF THE NGUYỄN DYNASTY IN HUÉ

Royal tombs of the Nguyễn dynasty are an important part of Hué's architectural complex, a World Cultural Heritage recognized by UNESCO in 1993. Hué is mentioned not only with the Royal Citadel, temples and pagodas, but also immense sites of the royal tombs, the architectural monuments reaching the peak of traditional art and the harmony with nature.

Researchers have studied on the Royal Tombs during the Nguyễn dynasty for their important architectural role. Moreover, the research of them provides important suggestions for doing research into royal tombs of previous dynasties and the relation between their location and the capital cities, especially Thăng Long (the capital city of Flying Dragon) which connected closely with the dynasties of Lý, Trần and Lê.

This article presents an overview of the royal tombs during the Nguyễn dynasty, including the periods of Nguyễn lords (1558-1775) and Nguyễn kings (1802-1945).

The contents consist of five sub-titles: Construction history; Model and construction materials; Funeral and Worship Ceremonies; Similarities and Differences; Conclusion.